

# BÀI TẬP KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

## Bài 1

Ngày 25/8/2011, Khách hàng A xuất trình CMND cùng 1 sổ tiết kiệm mở tại NH B với nội dung như sau:

Số tiền trên sổ: 100 trđ

Ngày mở sổ: 10/3/2011

Ngày đáo hạn: 10/6/2011

Thời hạn: 3 tháng, lãi suất 0,9%/tháng cuối kỳ.

Khách hàng đề nghị NH tắt toán sổ tiết kiệm này theo cách có lợi nhất cho khách hàng.

Sau khi kiểm tra, giao dịch viên đưa ra 2 phương án:

Phương án 1: Tắt toán sổ tiết kiệm trước hạn

Kỳ 1 của sổ: 10/3-10/6: KH không đến nhận tiền nên NH tự đáo hạn

Tổng số tiền KH được chuyển kỳ hạn mới:

$$100\text{tr} + 100\text{tr} * 0,9\%/30 * 92 = a$$

Kỳ hạn mới: 10/6-10/9, lãi suất áp dụng: 0,95%/tháng

Tuy nhiên KH rút trước hạn nên chỉ được hưởng lãi suất 0,3%/tháng, số ngày tính từ 10/6 đến 25/8

Số tiền KH được nhận theo phương án này:  $a + a * 0,3\%/30 * 76 \text{ ngày} = b$

Phương án 2: Chiết khấu sổ tiết kiệm

Số tiền tại ngày 10/6: a, kỳ hạn mới: 10/6-10/9, lãi suất 0,95%/tháng

Khi chiết khấu, sổ được xem như một giấy tờ có giá, đáo hạn vào ngày 10/9

Ngày 25/8 KH có nhu cầu chiết khấu sổ.

Ở đây ta có thể coi chiết khấu giống như nghiệp vụ cho vay của NH.

Ngày 25/8 NH sẽ cho KH vay 1 khoản tiền (số tiền chiết khấu) sao cho đến ngày 10/9 KH sẽ trả gốc và lãi bằng chính giá trị của sổ (giấy tờ có giá). NH thực hiện thu giữ sổ ngay ngày 25/8 để KH không cần phải quay lại NH vào ngày 10/9 để tắt toán sổ.

Giá trị đáo hạn của sổ ngày 10/9:

$$a + a * 0,95\%/30 * 92 \text{ ngày} = c$$

Gọi số tiền chiết khấu là X

Ta có

$X + X * \text{ls chiết khấu} * \text{số ngày chiết khấu} = \text{giá trị đáo hạn của sổ} = c$

$X + X * 1\%/30 * 26 \text{ ngày} = c$

Đặt X làm thừa số chung ta sẽ tính được X, chính là số tiền chiết khấu.

So sánh X với kết quả câu tắt toán trước hạn, phương án có lợi cho KH là phương án KH nhận được nhiều tiền hơn.

Lưu ý các bạn, trường hợp chiết khấu GTCG như trái phiếu, kỳ phiếu, hồi phiếu... các bạn vẫn tính giá trị đáo hạn của GTCG bình thường. Nếu TP trả lãi trước thì giá trị đáo hạn chính là Mệnh giá, nếu trả lãi sau thì phải tính cả lãi được nhận khi đáo hạn

Với GTCG, NH sẽ thu phí và hoa hồng. Sau khi tính ra X, các bạn trừ đi phí và hoa hồng thì mới ra số tiền NH phải trả cho KH

Trong bài tập này, các bạn có kết quả chiết khấu có lợi hơn. Do đó bạn chỉ hạch toán nghiệp vụ chiết khấu vào ngày 25/8 thôi nhé.

Nợ TK 2211/ Có TK 1011: số tiền chiết khấu

Đồng thời dự thu lãi trong ngày 25/8 như một khoản cho vay

Sổ tiết kiệm vẫn chưa tắt toán (tắt toán vào ngày 10/9) nên hôm nay vẫn hạch toán bút toán dự chi bình thường.

***Yêu cầu:***

- 1. Tính toán và cho biết số tiền khách hàng A nhận được là bao nhiêu***
- 2. Thực hiện các bút toán vào ngày 25/8/201x+1 theo các tài ờng hợp*** Ngân hàng hạch toán dự thu dự chi cuối mỗi ngày

Cho biết:

Ngày 05/6/201x+1 Ngân hàng công bố lại lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng cuối kỳ 0,95%/tháng

Lãi suất rút trước hạn tính theo lãi suất không kỳ hạn

Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn 0,3% tháng và tính theo số ngày thực tế phát sinh

Lãi suất chiết khấu sổ tiết kiệm 1%/tháng, tính theo số ngày thực tế phát sinh. NH không tính phí chiết khấu sổ tiết kiệm

## Bài 2

*Ngày 18/12/201x, tại NH Công thương TPHCM có các nghiệp vụ như sau:*

1. Ông Vinh nộp sổ tiết kiệm mở ngày 18/08/201x, số tiền 100 trđ, thời hạn 3 tháng, lãi suất 0,8%/tháng cuối kỳ đề nghị rút tiền mặt

Kỳ hạn của sổ: 18/8-18/11

Số tiền KH có tại 18/11:  $100\text{tr} + 100\text{tr} * 0,8\%/30 * 92 \text{ ngày} = a$

KH không đến vào ngày 18/11 nên NH chuyển kỳ hạn mới từ 18/11 – 18/02/x+1, lãi suất 0,9%/tháng

Mỗi ngày NH đã dự chi lãi:  $a * 0,9\%/30 = b$

Tổng số ngày NH đã dự chi lãi: từ 18/11 – 17/12: 30 ngày

Số lãi đã dự chi:  $30 * b$

KH rút trước hạn nên chỉ được hưởng lãi 0,25%/tháng

Số lãi KH được hưởng:

$a * 0,25\%/30 * 30 \text{ ngày} = c$

Số lãi NH đã dự chi nhiều hơn số lãi KH được hưởng:  $30b - c = d$

Bạn phải hoàn nhập dự chi số tiền lãi này

Nợ TK 4913/Có TK 8010: d

Trả gốc và lãi cho KH

Nợ TK4232.03.Vinh: a

Nợ TK 4913: c

Có TK 1011

2. NH phát mại tài sản xiết nợ của Khách hàng là Công ty Ngọc Bích thu được bằng tiền mặt 800.000.000đ. Tài sản này trước đây được NH định giá 600.000.000đ. Tổng nợ gốc 450.000.000đ, nợ lãi 40.000.000đ và các chi phí liên quan chi qua tài khoản của khách hàng tại cùng ngân hàng là 10.000.000đ

NH phát mại: Thời điểm này Kh đã hoàn tất việc gán nợ, đây là lúc NH bán tài sản của NH chứ không phải của Kh nữa

Nợ TK 1011: 800tr

Có TK 3870: 600tr

Có TK 4211. KH có chi phí liên quan đến phát mại: 10tr

Có TK 7090 (hoặc 7900): số tiền chênh lệch

Xuất TK 995: 600tr

3. Khách hàng D xuất trình 1 tờ séc do NH bảo chi ngày 01/12/201x đề nghị rút tiền mặt, số tiền tờ séc 100.000.000đ, người ký phát: Công ty H. Cho biết tờ séc này trước đây Công ty H đã ký quỹ tại ngân hàng 40.000.000đ.

Ngày 18/12 KH xuất trình séc: còn trong vòng 30 ngày nên NH xem xét thanh toán

Nh đã bảo chi séc, buộc phải thanh toán. Tuy nhiên TK của công ty H chỉ còn 20tr, phần còn lại NH phải trả thay

Nợ TK 4272.H: 40tr

Nợ TK 4211.H: 20tr

Nợ TK 2412 (2413.H): 40tr

Có TK 1011: 100tr

4. Công ty XNK Chợ Lớn xin mở L/C trị giá 100.000 EUR và được ngân hàng chấp thuận, ký quỹ 50%, phí mở L/C 0,1%. NH đồng ý bán số EUR còn thiếu, tỷ giá EUR = 24.000 VND

Số tiền ký quỹ L/C:  $100.000 * 50\% = 50.000$  EUR

Vì phí được NH thu bằng VND nên không tính vào số EUR còn thiếu

NH bán cho công ty 10.000 EUR

Nợ TK 4711: 10.000 EUR

Có TK 4221.XNK CL: 10.000 EUR

Nợ TK 4211.XNKCL/Có TK 4712:  $10.000 * 24.000 =$  VND

Ký quỹ L/C

Nợ TK 4221.XNKCL: 50.000 EUR

Có TK 4282. XNKCL: 50.000 EUR

Nhập TK 9251.XNKCL:

Thu phí bằng VND

Nợ TK 4211.XNKCL

Có TK 711: phí

Có TK 4531: VAT

5. Nhận được BCT hợp lệ từ nước ngoài chuyển đến đề nghị thanh toán cho LC số 1725/12, số tiền 100.000 USD. BCT này trước đây Cty XNK Quận 10 đã ký quỹ 50.000 USD. Hiện công ty không còn số dư TK 4211 và chỉ còn 20.000 USD trong TK 4221. Sau khi kiểm tra, NH đã thanh toán cho NH nước ngoài qua TK của NH mở tại NH nước ngoài.

Khi nhận BCT

Nhập TK 9124: 100.000 USD

Thanh toán BCT

Nợ TK 4282. XNKQ10: 50.000 USD

Nợ TK 4221. XNKQ10: 20.000 USD

Nợ TK 2422. XNKQ10: 30.000 USD

Có TK 1331: 100.000 USD

Xuất TK 9124: 100.000 USD

Xuất TK 9251: 100.000 USD

Trường hợp này nếu dữ liệu cho là TK 4211 có đủ số dư thì NH tiến hành mua bán ngoại tệ cho phần còn thiếu rồi mới thanh toán LC

6. Ông Hoà nộp tiền mặt thanh toán theo hợp đồng tín dụng số tiền vay 600.000.000đ, vay ngày 18/8/201x, thời hạn 6 tháng, lãi suất 1%/tháng. Theo HĐ này, nợ gốc trả mỗi lần 100trđ và lãi trả theo số dư vào ngày 18 hàng tháng theo số ngày thực tế phát sinh.

18/9: trả gốc 100tr

18/9: trả gốc 100tr

18/10: trả gốc 100tr

18/11: trả gốc 100tr

Như vậy số tiền gốc còn lại vào ngày 18/11 để làm cơ sở tính lãi cho 18/11-17/12 là 200tr

Nợ TK 1011:

Có TK 2111. Hòa: 100tr

Có TK 3941:  $200\text{tr} * 1\%/30 * 30$  ngày

### ***Yêu cầu:***

- 1. Xử lý và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh**
- 2. Xác định số tiền mặt tồn quỹ thực tế cuối ngày *theo các trường hợp*:** Ngân hàng hạch toán dự thu dự chi cuối mỗi ngày

Cho biết:

- Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn 0,25%/tháng, các khoản rút vốn trước hạn áp dụng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn theo số ngày thực tế phát sinh.
- Ngày 15/9/201x NH công bố lãi suất TG tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng lãi cuối kỳ là 0,9%/tháng
- Số dư một số tài khoản cuối ngày 17/12/201x
  - o TK1011: 1.000.000.000 đ
  - o TK 4211.Cty H: 20.000.000 đ
  - o TK 4221.Cty XNK Chợ Lớn: 40.000 EUR
- Các tài khoản khác có đủ số dư để hạch toán, NH không yêu cầu duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản tiền gửi.
- Thuế suất thuế GTGT (VAT) là 10%, các khoản phí trong TTQT thu bằng VND theo tỷ giá công bố tại thời điểm thu phí.
- NH chi tiền cho khách hàng làm tròn đến 100VND (ví dụ: 3.057 VND sẽ được chi là 3.100 VND)

### **Bài 3**

Ngày 25/11/201x, khách hàng A nộp vào ngân hàng đề nghị tắt toán các sổ tiết kiệm sau

- 1. Sổ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng trả lãi sau mở ngày 25/8/201x, số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 0,9%/tháng**  
**Sổ rút đúng hạn nên Nh tính và trả lãi theo lãi suất ghi trên sổ**

Nợ TK 4232.A: 100tr

Nợ TK 4913:  $100\text{tr} * 0,9\%/30 * 92$

Có TK 1011

2. Sổ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng trả lãi sau mở ngày 25/5/201x, số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 0,85%/tháng

Kỳ hạn 1: 25/5-25/8

Kh không đến nên NH nhập lãi vào gốc.

Số vốn gốc tại ngày 25/8:

$$50\text{tr} + 50\text{tr} * 0,85\%/30 * 92 = a$$

Nh chuyển kỳ hạn từ 25/8-25/11, lãi suất 0,9%/tháng

Ngày 25/11: KH rút đúng hạn

Nợ TK 4232.A: a

Nợ TK 4913:  $a * 0,9\%/30 * 92$

Có TK 1011:

3. Sổ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng trả lãi sau mở ngày 20/10/201x, số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 0,9%/tháng

KH rút trước hạn, chỉ được hưởng lãi suất 0,3%/tháng

Số tiền lãi Nh đã dự chi:

$$100\text{tr} * 0,9\%/30 * 36 = b$$

Số tiền lãi Kh thực hưởng:

$$100\text{tr} * 0,3\%/30 * 36 = c$$

Số tiền lãi hoàn nhập dự chi: b- c

Hạch toán hoàn nhập DC

Nợ TK 4913/Có TK 8010: b – c

Hạch toán trả gốc và lãi

Nợ TK 4323.A: 100tr

Nợ TK 4913: c

Có TK 1011

***Yêu cầu:***

- 1. Tính tổng số tiền KH A nhận được.***

**2. Thực hiện các bút toán trong ngày theo các trường hợp:** Ngân hàng hạch toán dự thu dự chi cuối mỗi ngày

Cho biết ngày 20/8/201x Ngân hàng điều chỉnh lãi suất tiền gửi tiết kiệm 3 tháng tăng từ 0,85%/tháng lên 0,9%/tháng. Các khoản rút vốn trước hạn tính theo số ngày thực tế với lãi suất không kỳ hạn.

Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn áp dụng tại ngân hàng là 0,3%/tháng

**Bài 4**

**Ngày 16/12/201x, tại NH TMCP Nam Á TPHCM có các nghiệp vụ như sau:**

1. NH xuất 2.000.000.000 đ nộp về NH nhà nước TPHCM. Trong ngày người nộp đã đem chứng từ về.

Khi xuất tiền khỏi quỹ tiền mặt:

Nợ TK 1019/Có TK 1011: 2 tỷ

Khi người nộp đem chứng từ về:

Nợ TK 1113/Có TK 1019: 2 tỷ

2. Phát hành 10.000 trái phiếu trả lãi trước, thời hạn 1 năm, lãi suất 10%/năm, mệnh giá 1.000.000 đ/TP, NH thu qua TK tiền gửi của KH tại NH 7.000 TP, còn 3.000 TP thu bằng tiền mặt.

Thu tiền phát hành TP

Nợ TK 1113: 7.000 \* 1 tr =

Nợ TK 1011: 3.000 \* 1 tr =

Có TK 4310: 10.000 \* 1 tr =

Trả lãi đầu kỳ:

Nợ TK 3880: 1 tr \* 10% \* 10.000 =

Có TK 1113: 1 tr \* 10% \* 7.000 =

Có TK 1011: 1 tr \* 10% \* 3.000 =

Cuối ngày phân bổ lãi:

Nợ TK 8030/Có TK 3880: 1 tr \* 10%/360 \* 10.000 =

3. Công ty XNK Hưng Nguyên đề nghị chiết khấu BCT số tiền 100.000 USD, NH đồng ý CK 90%, lãi suất chiết khấu 7%/năm, phí chiết khấu 0,1%. Lãi và phí chiết khấu sẽ thu khi NH nước ngoài trả tiền.



Chỉ hạch toán số tiền chiết khấu BCT:

Nợ TK 2221/Có TK 4221.HN:  $100.000 * 90\% =$

Dự thu lãi cuối ngày

Nợ TK 3941/Có TK 702:  $90.000 * 7\%/360 =$

4. NH phát mại tài sản gắn nợ của KH thu được 800.000.000đ. Tài sản này khi gắn nợ được định giá 600.000.000đ. Tổng nợ gốc khi gắn nợ xác định là 500.000.000đ, nợ lãi 50.000.000 đ

Thời điểm NH bán tài sản gắn nợ, chênh lệch ghi vào thu nhập/chi phí của NH

Nợ TK 1011, 4211, 1113...: 800tr

Có TK 3870: 600tr

Có TK 7900, 7090: 200tr

Xuất TK 995: 600tr

5. Công ty XNK Bến Nghé xin mở L/C trị giá 200.000 USD, ký quỹ 40%. NH thu phí mở L/C 0,1% (chưa tính VAT 10%). (USD: 20400 – 20420)

Số tiền ký quỹ:  $200.000 * 40\%$

Vì NH thu phí bằng VND nên không cần chuyển đổi

Nợ TK 4221. XNK BN: 80.000 USD

Có TK 4282: 80.000 USD

Thu phí

Nợ TK 4211:  $200.000 * 0,1\% * 20420 * (1 + 10\%) = a$

Có TK 711:  $200.000 * 0,1\% * 20420 = b$

Có TK 4531:  $200.000 * 0,1\% * 20420 * 10\% =$

6. Ông Danh nộp số tiền gửi tiết kiệm mở ngày 14/10/201x, số tiền 30.000.000đ, thời hạn 3 tháng lãi trả trước 0,8%/tháng đề nghị nhận tiền mặt. Biết lãi suất 2 tháng trả lãi trước là 0,7%/tháng. NH áp dụng lãi liền kể khi khách hàng rút tiền trước hạn.

Ngày 16/12 Kh rút tiền => rút trước hạn

Tổng số ngày 14/10-16/12: 2 tháng 2 ngày ( 63 ngày)

Số tiền lãi ông Danh đã nhận:  $30tr * 0,8\% * 92 \text{ ngày} = a$

Số tiền lãi ông Danh thực hưởng:

Nếu tính liên kê:  $30\text{tr} * 0,7\%/30 * 61 + 30\text{tr} * 0,3\%/30 * 2 = b$

Nếu tính không kỳ hạn:  $30\text{tr} * 0,3\%/30 * 63 = c$

Số tiền lãi NH đã phân bổ vào chi phí:  $30\text{tr} * 0,8\%/30 * 63 = d$

Số tiền lãi phải thu lại KH:  $a - b$  (hoặc  $c$ )

Hạch toán gốc:

Nợ TK 4232/Có TK 1011: 30 tr

Thu lại lãi và hoàn nhập dự chi

Nợ TK 1011:  $a - b$  (hoặc  $c$ )

Nợ TK 3880:  $a - d$

Có TK 8010:  $d - b$  (hoặc  $c$ )

***Yêu cầu: Xử lý và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các trường hợp.*** Ngân hàng hạch toán dự thu dự chi cuối mỗi ngày

Cho biết:

- Các tài khoản có đủ số dư để hạch toán
- Thuế suất VAT là 10%, các khoản phí thu bằng VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm thu phí.
- Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn 0,25%/tháng

## Bài 5

Đọc nội dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

- |                                   |                  |
|-----------------------------------|------------------|
| 1. Nợ 3941                        | 2.000.000 đồng   |
| Có 7020                           | 2.000.000 đồng   |
| NH dự thu lãi cho vay KH, số tiền |                  |
| 2. Nợ 2111.Cty A                  | 100.000.000 đồng |
| Có 4211. Cty A                    | 100.000.000 đồng |

NH giải ngân cho KH vào TK tiền gửi thanh toán, số tiền:

3. Nợ 4221. Cty C 50.000 đô la Mỹ

Có 1031 50.000 đô la Mỹ

KH rút ngoại tệ bằng tiền mặt từ TK TGTT, số tiền

4. Nợ 4232. 3 tháng. NVA 100.000.000 đồng

Có 1011 100.000.000 đồng

Trả nợ gốc tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng cho ông NVA, số tiền..

## Bài 6

Ngày 05/10/XX, khách hàng cần tiền mặt gấp nên đề nghị cầm cố sổ tiết kiệm có các thông tin sau để vay vốn:

Số tiền gửi: 100.000.000 đồng;

Thời hạn 3 tháng;

Lãi suất: 0,75%/tháng, lĩnh lãi cuối kỳ

Ngày mở sổ: 10/07/XX.

Ngân hàng đồng ý cho khách hàng vay 90% số tiền gửi tiết kiệm với lãi suất 1,05%/tháng, trả lãi và vốn khi đến hạn.

Ngày 10/10/XX, khách hàng đến tắt toán sổ tiết kiệm và tiền vay trên

Ngày 5/10 KH vay 90tr

Ngày 10/10 Kh tắt toán sổ tiết kiệm, trả gốc và lãi vay

Tắt toán sổ tiết kiệm:

Nợ TK 4232: 100tr

Nợ TK 4913:  $100\text{tr} * 0,75\%/30 * 92$  ngày

Có TK 1011:

Trả gốc và lãi vay

Nợ TK 1011:

Có TK 2111: 90tr

Có TK 3941:  $90\text{tr} * 1,05\%/30 * 5 \text{ ngày} =$

**Yêu cầu:**

***Xử lý và định khoản các nghiệp vụ phát sinh vào ngày 10/10/XX***

**Bài 7**

Ngày 15/10/x tại NH công thương tỉnh Đồng Tháp có 1 số nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Xí nghiệp cơ khí (XNCK) nộp UNT số tiền 18.300.000đ đòi tiền bán hàng hoá cho nhà máy dệt  
Nợ TK 4211.NMD: 18.300.000đ  
Có TK 4211.XNCK: 18.300.000đ
2. Nhận được thông báo từ ngân hàng công thương Tiền Giang về khoản tiền 70.000.000 đ do Cty Lương thực Tiền Giang thanh toán cho XNCK  
Nợ TK 5191: 70.000.000 đ  
Có TK 4211.XNCK: 70.000.000 đ
3. Ông Phan Vinh nộp séc vào NH đề nghị: Rút 20trđ tiền mặt, chuyển 30trđ cho cty Lương thực Tiền Giang  
Nợ TK 4211.PV: 50.020.000 đ  
Có TK 1011: 20.000.000 đ  
Có TK 5191: 30.000.000 đ  
Có TK 7110: 18.182 đ (Nếu thu phí đối với séc chuyển tiền)  
Có TK 4531: 1.818 đ
4. XN xây dựng nộp UNC thanh toán cho xí nghiệp vật liệu có tài khoản cùng ngân hàng 100trđ.  
Nợ TK 4211.XNXD: 100.000.000 đ  
Có TK 4211.XNVL: 100.000.000 đ
5. Cty Ban Mai nộp uỷ nhiệm chi có số tiền 50.000.000đ đề nghị NH cho vay theo HMTD trả tiền hàng hoá cho Cty Thuận Thảo có tài khoản ở cùng NH  
Nợ TK 2111.BM: 50.000.000 đ  
Có TK 4211.TT: 50.000.000 đ  
  
Hoặc Nợ TK 2111.BM: 45.000.000 đ  
Có TK 2111.BM: 45.000.000 đ  
  
Nợ TK 4211.BM: 50.000.000 đ  
Có TK 4211.TT: 50.000.000 đ
6. Cty TNHH An Bình trả nợ vay ngắn hạn từ tài khoản tiền gửi 100.000.000đ đáo hạn 15/10/x, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 1%/ tháng, trả lãi từng tháng  
Thu nợ gốc: 100.000.000 đ

Thu nợ lãi:  $100.000.000 \text{ đ} * 1\% * 30/30 = 1.000.000 \text{ đ}$

Số nợ lãi đã dự chi:  $100.000.000 \text{ đ} * 1\% * 29/30 = a \text{ đ}$

Nợ TK 4211.AB: 101.000.000 đ

Có 2111.AB: 100.000.000 đ

Có TK 3941: a đ

7. Sau khi HĐTD được ký kết, Cty Bình Minh nộp uỷ nhiệm chi số tiền 100trđ đề nghị giải ngân tiền vay thanh toán cho công ty Đạt Phúc có TK tại NH nông nghiệp Đồng Tháp

Nợ TK 2111.BM: 100.000.000 đ

Có TK 4211.BM: 100.000.000 đ

Nợ TK 4211.BM: 100.003.000 đ

Có TK 5012: 100.000.000 đ

Có TK 7110: 2.727 đ

Có TK 4531: 272 đ

8. Cty Hạ Xanh nộp UNC trả tiền hàng cho Cty Ban Mai 200 trđ

Nợ TK 4211.HX: 200.000.000 đ

Có TK 4211.BM: 200.000.000 đ

Nợ TK 4211.BM:  $200.000.000 \text{ đ} * 70\% = 140.000.000 \text{ đ}$

Có TK 2111.BM: 140.000.000 đ

9. Cty Xuân Thu có tài khoản tại NH nông nghiệp Đồng Tháp thanh toán cho cty An Bình 70trđ

Nợ TK 5012: 70.000.000 đ

Có 4211.AB: 70.000.000 đ

Yêu cầu: Xử lý và định khoản các nghiệp vụ trên.

Cho biết: - Số dư cuối ngày 14/10/x tài khoản 4211.Cty Ban Mai là 5.000.000đ, số dư nợ TK 2111.Cty Ban Mai là 250.000.000đ. Hạn mức tín dụng quý 3 là 500.000.000,

- NH dự thu lãi cho vay trong hạn vào cuối mỗi ngày và chỉ dự thu cho tháng dương lịch phát sinh

- Các NHTM khác hệ thống trên cùng địa bàn có tham gia thanh toán bù trừ

- NH được trích 70% tiền bán hàng để thu nợ cho vay theo HMTD

- Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn là 0.2%/tháng, NH áp dụng ls tiền gửi cho các khoản rút vốn trước hạn

- Phí chuyển tiền trong cùng địa bàn là 3000đ/món (gồm cả VAT), cùng hệ thống ngoài địa bàn là 20.000đ (gồm cả VAT)

Các tài khoản khác đủ số dư để hạch toán

## Bài 8

Ngày 15/7/x tại NH Công thương tỉnh Long An có một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1. Công ty Đại Nam đem chứng từ đến đề nghị NH chiết khấu theo bảng kê

- Hối phiếu trả chậm số tiền 120.000 USD, ngày đáo hạn 28/8/x

Giá trị đáo hạn của HP là 120.000 USD

Thời hạn chiết khấu: 15/7 – 28/8: 44 ngày

Số tiền CK = 120.000 – Số tiền CK \* 0,5%/30 \* 44 - 120.000 \* 0,3%

Số tiền CK = 118.772,96 USD

Nợ TK 2221. Đại Nam: 118.772,96 USD

Có TK 4221: 118.772,96 USD

Trong thực tế có một số NH hạch toán như sau:

Nợ TK 2221. Đại Nam: 120.000 USD

Có TK 7020: 867,04

Có TK 7170:  $120.000 * 0,3\% / 1,1 =$

Có TK 4531:  $120.000 * 0,3\% / 11 =$

Có TK 4221: 118.772,96 USD

- Kỳ phiếu trả trước 100tr do NH Công thương HCM phát hành, đáo hạn ngày 15/9/x, lãi suất 9,0%/năm

Giá trị đáo hạn của KP là 100.000 tr

Thời hạn chiết khấu: 15/7 – 15/9: 62 ngày

- Kỳ phiếu trả sau 200tr do NH Công thương Bến Tre phát hành, đáo hạn ngày 15/8/x, lãi suất 9,5%/năm, thời hạn 1 năm.

Giá trị đáo hạn của KP là  $200\text{tr} + 200\text{tr} * 9,5\% * 1 = 219\text{ tr}$

Thời hạn chiết khấu: 15/7 – 15/8: 31 ngày

2. Công ty Kiến Á đề nghị chiết khấu Bộ chứng từ hàng xuất với tổng số tiền 100.000 USD. Qua kiểm tra chứng từ, ngân hàng đồng ý chiết khấu có truy đòi 90%

Nợ TK 2221. Kiến Á:  $100.000\text{ USD} * 90\% = 90.000\text{ USD}$

Có TK 4221: 90.000 USD

3. Nhận được tiền từ NH nước ngoài thanh toán cho Công ty Ngọc Sơn, số tiền 150.000USD. Số tiền này trả theo Bộ chứng từ ngân hàng đã chiết khấu 90% ngày 8/7/x

Nợ TK 1331: 150.000 USD

Có TK 2221. Ngọc Sơn:  $150.000 * 90\% = 135.000\text{ USD}$

Có TK 7020:  $135.000 * 0,5\% / 30 * 7 = 157,5\text{ USD}$

Có TK 7110:  $150.000\text{ USD} * 0,5\% / 1,1 = 681,82\text{ USD}$

Có TK 4531:  $150.000\text{ USD} * 0,5\% / 11 = 68,18\text{ USD}$

Có TK 4221. Ngọc Sơn: 14.092,5 USD

Yêu cầu: Xử lý và định khoản các nghiệp vụ trên.

Cho biết:

- Lãi suất chiết khấu ngân hàng áp dụng 0,5%/tháng đối với chứng từ ngoại tệ, 0,9%/tháng đối với chứng từ VND
- Hoa hồng chiết khấu 0,2%, lệ phí 0,1% tối thiểu 2USD đối với chứng từ ngoại tệ, tối thiểu 20.000đ đối với chứng từ VND, NH quy định phí chiết khấu thương phiếu hạch toán ngay khi chiết khấu.
- Phí chiết khấu Bộ chứng từ 0,5%

- Biểu phí trên đã bao gồm VAT 10%

## Bài 9

Ngày 15/9/x tại NHNo Tân Thạnh tỉnh Long An có một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1. XN cơ khí (XNCK) nộp vào NH bằng kê nộp séc kèm theo các tờ séc sau:
  - a. Séc CK số tiền 15.000.000đ do công ty Lương thực phát hành ngày 10/9  
     Nợ TK 4211. LT: 15.000.000 đ  
     Có 4211.XNCK: 15.000.000 đ
  - b. Séc bảo chi số tiền 25.000.000đ do công ty Phân bón phát hành ngày 12/9  
     Nợ TK 4271. PB: 25.000.000 đ  
     Có 4211.XNCK: 25.000.000 đ
2. Nhận được
  - a. UNC từ NH CT Tiền Giang số tiền 30.000.000đ nội dung Cty Xuân Đình trả tiền hàng hoá cho Cty Bình Minh  
     Nợ TK 5012/Có TK 4211.BM
  - b. UNT 100tr từ NHNo Kiên Giang do nhà máy hoá chất lập đòi tiền XNCK  
     Nợ TK 4211.XNCK/Có TK 519
3. Ông Nguyễn Xuân Lâm nộp sổ tiết kiệm thời hạn 3 tháng, lãi suất 0.75% tháng, lãi cuối kỳ, số tiền 50.000.000 mở 15/7/x đề nghị rút vốn gốc.

*Yêu cầu: Xử lý và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh*

Cho biết:

- Các TK có đủ số dư để hạch toán
- NH trả lãi 0,2% đối với các khoản tiết kiệm rút vốn trước hạn

## Bài 10

Tại NHNo PTNT Long An trong ngày 18/9/X phát sinh các nghiệp vụ kinh tế sau:

1. Cty A nộp UNT cùng Hoá đơn bán hàng nội dung đòi tiền hàng hoá Cty B cùng NH số tiền 20.000.000đ  
     TK Công ty B không đủ số dư
2. Nhận từ NHNo Đồng Nai Lệnh chuyển tiền Có kèm UNC số tiền 50.000.000 do XN xây dựng trả tiền cho Cty B  
     Nợ TK 591/Có TK 4211.B : 50.000.000đ  
     Thanh toán UNT cho Công ty A  
     Nợ 4211.B/Có 4211.A: 20.000.000đ  
     Công ty A trả tiền cho Công ty Nhựa  
     Nợ TK 4211.A/Có 5012: 15.000.000đ  
     Bài tập này không cho thu phí nên không hạch toán phí

3. Nhận từ NHNo Tiền Giang Lệnh chuyển tiền Nợ kèm UNT số tiền 40.000.000 do XN cơ khí đòi tiền Cty A  
TK Công ty A không đủ số dư nên NH lưu UNT để theo dõi
4. Bà Danh Thị Hải nộp séc chuyển khoản 100.000.000đ do Cty Than có TK ở NHCT Long An phát hành ngày 15/9/x

*Yêu cầu: Xử lý và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.*

Cho biết:

- Các NH trong cùng địa bàn có tham gia thanh toán bù trừ
- Số dư các TK cuối ngày 17/9/x:
  - o TK 4211.Cty A: 5.000.000đ
  - o TK 4211.Cty B: 8.000.000đ
- Sổ theo dõi UNT Cty A còn 15.000.000đ ngày 16/9/x phải trả cho Cty Nhựa có TK tại NHCT Long An
- Đơn vị bán hàng yêu cầu NH giữ lại các UNT khi khách hàng không đủ số dư để thanh toán, sẽ thu khi có tiền
- Các TK có liên quan có đủ số dư để hạch toán

## **Bài 11**

Tại NH Công Thương TPHCM trong ngày 18/06/X phát sinh các nghiệp vụ kinh tế sau:

1. Công ty A nộp UNC số tiền 50.000.000đ trả tiền cho Cty B có TK tại NHCT Đồng Nai  
Nợ TK 4211.A: 50.020.000đ  
Có TK 5191: 50.000.000đ  
Có TK 7110: 18.182đ  
Có TK 4531: 1.818đ
2. Nhận từ NHNo TPHCM Lệnh chuyển Có kèm UNC số tiền 200.000.000đ XN Nhựa Bình Minh trả tiền cho Cty A  
Nợ TK 5012: 200.000.000 đ  
Có TK 4211.A: 200.000.000 đ
3. Nhận từ NHCT Tiền Giang Lệnh chuyển tiền Có kèm UNC số tiền 150.000.000đ chuyển tiền cho cá nhân ông Nguyễn Ngọc Thanh  
Nợ TK 5191: 150.000.000đ  
Có TK 4540: 150.000.000 đ
4. Nhận từ NHNN bảng kê 11 kèm UNC 50.000.000đ nội dung Cty Đường Tây Ninh có TK NHĐTPT Tây Ninh chuyển tiền cho Cty A  
Nợ TK 1113: 50.000.000 đ  
Có TK 4211.A: 50.000.000đ
5. Cty B nộp UNC số tiền 40.000.000đ chuyển tiền cho ông Phạm Nguyên có TK tại NHCT Long An  
Nợ 4211.B: 40.020.000 đ  
Có 5191: 40.000.000 đ  
Có 7110: 18.182 đ  
Có TK 4531: 1.818 đ

*Yêu cầu: Xử lý và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.*



Cho biết:

- Các NH trong cùng địa bàn có tham gia thanh toán bù trừ
- Các TK có liên quan có đủ số dư để hạch toán
- Phí chuyển tiền (Bao gồm VAT 10%)
  - o 2 NH cùng địa bàn: 3000đ/món
  - o 2 NH cùng hệ thống khác địa bàn: 20.000đ/món
  - o 2 NH khác địa bàn, khác hệ thống: 0,05%, tối thiểu 20.000đ, tối đa 500.000/món

## Bài 12

Ngày 15/10/x tại NHCT Đồng Tháp có một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1. **XN Cơ khí (XNCK)** nộp vào NH các chứng từ sau:
  - Đơn đề nghị mở thư tín dụng số tiền 10tr đề nghị mở 1 TTD từ TK TGTT để mua hàng của XN A có Tk tại NHCT Đồng Nai  
Nợ TK 4211.XNCK: 10.000.000 đ  
Có TK 4272.XNCK: 10.000.000 đ  
Nhập TK 9251: 10.000.000 đ
  - Đơn đề nghị mở thư tín dụng số tiền 20tr đề nghị mở 1 TTD từ TK TGTT để mua hàng của Cty B có Tk tại NHCT TPHCM
  - UNT số tiền 18,3tr đòi tiền bán hàng **nhà máy dệt**  
Số dư TGTT của NMD không đủ => Lưu UNT chờ thanh toán sau.
2. Nhận được từ NHCT Tiền Giang các liên UNT số tiền 12tr do Cty Lương thực ở NHCT Tiền Giang lập đòi tiền **XNCK**  
Số dư TGTT của XNCK không đủ => Lưu UNT chờ thanh toán sau.
3. Ông Nguyễn Văn A đại diện Công ty du lịch Khánh Hoà (TK ở NHCT Khánh Hoà) nộp séc chuyển tiền số tiền 40tr do NHCT Khánh Hoà cấp ngày 01/10/x, đồng thời xuất chứng từ hợp lệ đề nghị thanh toán như sau:
  - Rút 200.000 đ bằng tiền mặt để trả tiền vận chuyển hàng hoá.  
Nợ TK5191/C1011
  - Bảo chi 1 tờ séc số tiền 14,8tr để mua hàng của Cty Du lịch Đồng Tháp (Tk ở NHNo Đồng Tháp)  
Nợ TK 5191/Có TK 4271
  - Số tiền còn lại đề nghị trả trực tiếp bằng UNC cho Cty Lương thực Đồng Tháp  
Nợ TK 5191: 25.000.000 đ  
Có TK 4211.A: 25.000.000 đ  
Nợ TK 4211.A  
Có TK 4211.LTĐT
4. Nhận Lệnh chuyển Có từ NHCT Tây Ninh số tiền 45tr kèm các chứng từ gốc:
  - UNC số tiền 25tr nhà máy Đường (Tk ở NHCT Tây Ninh) trả tiền hàng cho nông trường K (TK NHCT Đồng Tháp)  
Nợ 5112/5191: 25.000.000 đ  
Có TK 4211.K: 25.000.000 đ
  - UNC số tiền 20tr của Nhà máy Dệt (NHCT Tây Ninh) trả tiền hàng hoá cho XNCK  
Nợ 5191: 20.000.000 đ

Có 4211.XNCK: 20.000.000 đ

Thanh toán cho UNT ở nghiệp vụ 2

Nợ 4211.XNCK: 12.000.000 đ

Có TK 5191: 12.000.000 đ

5. Nhận từ NHNo Đồng Tháp bảng kê thanh toán bù trừ cùng các chứng từ sau:

- Séc bảo chi 15tr của nhà máy hoá chất mở ngày 30/9/x

Nợ TK 4271.NMHC: 15.000.000 đ

Có TK 5012: 15.000.000 đ

- Séc bảo chi 20tr của XN B mở ngày 25/9/x

Nợ TK 4271.XNB: 20.000.000 đ

Có TK 5012: 20.000.000 đ

- Séc bảo chi 50tr cty Vật tư TK NHNo Đồng Tháp phát hành ngày 3/10 trả cho **nhà máy Dệt**

Nợ TK 5012: 50.000.000 đ

Có TK 4211.NMD: 50.000.000 đ

Thanh toán cho UNT ở nghiệp vụ 1

Nợ 4211.NMD: 18.300.000 đ

Có 4211.XNCK: 18.300.000 đ

Thanh toán cho Cty B ở NHCT HCM

Nợ 4211.NMD: 20.020.000 đ

Có 5191: 20.000.000 đ

Có TK 7110: 18.182 đ

Có TK 4531: 1.818 đ

- Séc chuyển khoản 20tr cty K TK NHNo Sóc Trăng phát hành ngày 8/10 trả cho nhà máy Hoá chất

Nợ TK 5012: 20.000.000 đ

Có TK 4211.NMHC: 20.000.000 đ

*Yêu cầu: Xử lý và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh*

Cho biết:

- Số dư trên 1 sổ TK cuối ngày 14/10 như sau:  
4211.XNCK: 35tr  
4211.NMD: 0
- Sổ theo dõi UNT quá hạn của NM Dệt còn lại 20tr phải trả Cty B có TK NHCT TPHCM
- Phí chuyển tiền (bao gồm cả VAT)  
NH cùng địa bàn: 3000đ/món  
NH khác địa bàn cùng hệ thống: 20.000đ/món  
NH khác địa bàn khác hệ thống: 0,05% (tối thiểu 20.000đ, tối đa 500.000đ)
- Các TK khác có đủ số dư để hạch toán

### **Bài 13**

Tại NHNT TPHCM ngày 27/8/x có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1. Nhận 1.000 USD từ NH nước ngoài chuyển cho bà Trần Thị Phổ

Nợ TK 1331. USD: 1.000 USD

Có TK 4550. USD: 1.000 USD

2. Nhận điện chuyển tiền từ NH nước ngoài trả cho Cty Lương thực TPHCM 90.000 USD theo LC số 796/EX, Công ty đã bán ngay cho NH 50.000 USD

Nợ TK 1331.USD: 90.000 USD

Có TK 4221.USD.LTTPHCM: 90.000 USD

Xuất TK 9123: 90.000 USD

Nợ TK 4221.USD.LTTPHCM: 50.000 USD

Có TK 4711: 50.000 USD

Đồng thời:

Nợ TK 4712.USD:  $50.000 \times 16096 = 804.800.000$  VND

Có TK 4211.LTTPHCM: 804.800.000 VND

3. Bán cho Cty Taek Wang 17.000 USD để ký quỹ LC, NH thu phí mở LC là 1% (đã bao gồm VAT 10%) bằng VND

Nợ TK 4711: 17.000 USD

Có TK 4221. USD. TW: 17.000 USD

Nợ TK 4211.TW:  $17.000 \times 16096 = 273.632.000$  VND

Có TK 4712: 273.632.000 VND

Nợ TK 4221. USD. TW: 17.000 USD

Có TK 4282. USD. TW: 17.000 USD

Nhập TK 9251: 17.000 USD

Nợ TK 4211.TW:  $17.000 \text{ USD} \times 1\% \times 16096 = 2.736.320$  VND

Có TK 7110: 2.487.564 VND

Có TK 4531: 248.756 VND

4. Bán 75.000 USD cho công ty Danimex để thanh toán cho LC mở ngày 25/7, LC này đã ký quỹ 50%

Nợ TK 4711: 75.000 USD

Có TK 4221. USD. D: 75.000 USD

Nợ TK 4211.TW:  $75.000 \times 16096 = 1.207.200.000$  VND

Có TK 4712: 1.207.200.000 VND

Nợ TK 4282.USD.D: 75.000 USD

Nợ TK 4221.USD.D: 75.000 USD

Có TK 1331: 150.000 USD

Xuất TK 9124: 150.000 USD

Xuất TK 9251: 150.000 USD

*Yêu cầu: Xử lý và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.*

Cho biết:

- Các TK có liên quan có đủ số dư để hạch toán
- Phí dịch vụ đối với việc chuyển tiền ra nước ngoài 0,1% (đã bao gồm VAT 10%) thu bằng VND
- NH có TK tiền gửi ngoại tệ tại NH nước ngoài
- Ngày 27/8/x tỷ giá USD/VND = 16096

#### Bài 14

Tại NHCT Đồng Nai ngày 15/7/200x có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1. Bán 3.000 USD tiền mặt cho cá nhân đi công tác nước ngoài hợp pháp

Nợ TK 4711.USD: 3000 USD

Có TK 1031.USD: 3000USD

Đồng thời:

Nợ TK 1011:  $3000 \times 16085 = 48.255.000$  VND

Có TK 4712.USD: 48.255.000 VND

2. Nhận được điện chuyển tiền trực tiếp từ NH nước ngoài từ bộ chứng từ nhờ thu của Công ty lương thực Đồng Nai ngày 1/7 20.000USD. Công ty bán trả nợ vay đến hạn cho NH (HĐ tín dụng ký ngày 15/1/200x) 5000USD, lãi vay 100USD, NH thu phí chuyển tiền 0,11% (bao gồm VAT 10%) bằng VND

Nợ TK 1331.USD: 20.000 USD

Có TK 4221.USD. LTĐN: 20.000 USD

Xuất TK 9123: 20.000 USD

Nợ 4211.LTĐN:  $20.000 \times 0,11\% \times 20085 =$

Có 7110:  $20.000 \times 0,10\% \times 20085 =$

Có 4531:  $20.000 \times 0,01\% \times 20085 =$

Nợ TK 4221.USD. LTĐN: 5.100 USD

Có TK 4711: 5.100 USD

Nợ TK 4712.USD:  $5.100 \times 20085 =$

Có TK 2111.LTĐN:  $5.000 \times 20085 =$

Có TK 7020/3941:  $100 \times 20085 =$

3. Mua của NH Ngoại Thương HCM 70.000 USD tỷ giá 16080 VND/USD, giao dịch được thực hiện ngay bằng chuyển khoản thông qua TK tại NHNN

Nợ 1123.USD: 70.000 USD

Có 4711.USD: 70.000 USD

Nợ 4712.USD:  $70.000 \text{ USD} \times 16080$

Có 1113:  $70.000 \text{ USD} \times 16080$

4. Công ty XNK Đồng Nai nộp đơn đề nghị mở LC trả ngay trị giá 120.000USD, NH chấp thuận với tỷ lệ ký quỹ 70% và thu phí 1,1% (bao gồm VAT 10%), Công ty đã trích VND từ TK TGTT để mua toàn bộ số ngoại tệ này từ NH

Nợ TK 4211.XNKĐN:  $85.320 \text{ USD} \times \text{tỷ giá}$

Có 4712: 85.320 USD \* tỷ giá

Nợ TK 4711: 85.320 USD

Có TK 4221. XNKĐN:  $120.000 \times 70\% + 120.000 \times 1,1\% =$

Nợ TK 4221. XNKĐN:  $120.000 \times 70\% = 84.000$  USD

Có TK 4282. XNKĐN:  $120.000 \times 70\% = 84.000$  USD

Nhập TK 9251: 120.000 USD

Nợ TK 4221. XNKĐN: 1.320 USD

Có TK 4711: 1.320 USD

Nợ TK 4712:  $1.320 \times$  tỷ giá VND

Có TK 7110:  $1200 \times$  tỷ giá VND

Có TK 4531:  $120 \times$  tỷ giá VND

5. Nhận được từ NH nước ngoài 1 BCT hợp lệ đề nghị thanh toán LC trả ngay, số tiền 30.000EUR, nhà nhập khẩu là Công ty lương thực Đồng Nai, đã ký quỹ 50%. NH tiến hành thanh toán cho NH nước ngoài thông qua TK của NH tại NH nước ngoài

Nhập TK 9124: 30.000 EUR

Nợ TK 4282. LTĐN: 15.000 EUR

Nợ TK 4221. LTĐN: 15.000 EUR

Có TK 1331: 30.000 EUR

Xuất TK 9124: 30.000 EUR

Xuất TK 9251: 30.000 EUR

6. Cty Nông sản Đồng Nai xuất trình BCT phù hợp LC đề nghị chiết khấu, số tiền LC là 60.000 USD, NH đồng ý chiết khấu có truy đòi số tiền 90% trị giá LC, toàn bộ số tiền này được chuyển vào TKTG ngoại tệ của Cty tại NH.

Nợ TK 2221. NSĐN:  $60.000 \times 90\% = 54.000$  USD

Có TK 4221.NSĐN: 54.000 USD

Nhập TK 9123: 60.000 USD

*Yêu cầu: Xử lý và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.*

Cho biết:

- Tỷ giá NH niêm yết trong ngày là 20.085 VND/USD
- Các tài khoản có đủ số dư để hạch toán

## Bài 15

Ngày 16/03/2010, Công ty TNHH Xuân Thu được Ngân hàng TMCP Đại Á TPHCM chấp nhận giải ngân theo hợp đồng tín dụng số 739/10, số tiền vay 600.000.000 đồng, thời hạn 3 tháng, trả gốc và lãi vào ngày 16 hàng tháng, mỗi lần trả nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi tính theo dư nợ

giảm dần theo số ngày thực tế phát sinh. Lãi suất NH áp dụng cho khoản vay này là 1,5%/tháng. Tài sản đảm bảo là bất động sản có giá trị 1.000.000.000 đồng.

Công ty đã trả gốc và lãi đầy đủ theo hợp đồng đến ngày 16/5/2010.

Ngày 15/6/2010, công ty có đơn xin gia hạn nợ do tình hình kinh doanh của công ty gặp một số khó khăn. Sau khi xem xét, Ngân hàng không đồng ý gia hạn.

Ngày 16/6/2010, NH đã chuyển khoản vay của công ty sang nợ quá hạn theo quy định và đơn đốc thu hồi nợ. Tuy nhiên, công ty vẫn không thể trả được cả nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng.

Ngày 02/12/2010, Công ty nhận được một khoản tiền bán hàng từ Ngân hàng TMCP Việt Á TPHCM chuyển sang, số tiền 450.000.000 đồng. NH đã tiến hành thu toàn bộ nợ gốc và lãi mà Công ty còn nợ Ngân hàng.

*Yêu cầu:*

1. *Tính toán và cho biết số tiền NH TMCP Đại Á phải thu Công ty TNHH Xuân Thu vào ngày 02/12/2010*

Tại ngày 16/6 Công ty còn nợ ngân hàng

Nợ gốc: 200tr

Nợ lãi:  $200\text{tr} \times 1,5\%/30 \times 31 = a$

Ngày 2/12, thu nợ gốc 200tr

Nợ lãi trong hạn a

Nợ lãi quá hạn:  $200\text{tr} \times 1,5\%/30 \times 150\% \times 169$  ngày

2. *Thực hiện các bút toán phát sinh từ ngày 16/6/2010 đến ngày 02/12/2010*

Ngày 16/6: chuyển nợ gốc từ nhóm 1 sang nhóm 2, xuất toán nợ lãi

Ngày 16/9: chuyển từ nợ nhóm 2 sang nợ nhóm 3

Ngày 2/12:

Bút toán 1: nhận tiền từ NH VA chuyển sang (Nợ TK 5012/Có TK 4211)

Bút toán 2: Thu nợ gốc và lãi trong hạn, quá hạn (lãi trong hạn đã xuất toán nên hạch toán tất cả lãi vào tài khoản 7020 hoặc 7090)

Xuất TSĐB